TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 08/2023/DS-PT Ngày 05-12-2023 V/v tranh chấp hợp đồng bảo hiểm.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Đức Cảnh

Các Thẩm phán: Ông Vũ Hà Nam

Ông Nguyễn Tiến Dũng

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Bùi Ngọc Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên toà*:**

Bà Đặng Thị Phương N - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 14/2023/TLPT-DS ngày 16 tháng 10 năm 2023.

Do bản án dân sự số 22/2023/DS-ST ngày 23-6-2023 của Toà án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 42/2023/QĐ-PT ngày 30/10/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 168/2023/QĐ-PT ngày 15/11/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1988; nơi cư trú: thôn L, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang; người đại diện theo ủy quyền: Bà Hoàng Thị T, sinh năm 1966; nơi cư trú: thôn L1, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang (theo văn bản ủy quyền ngày 07-11-2022). Có mặt.

- Bị đơn: Tổng công ty cổ phần B (PTI). Người đại diện theo pháp luật: Bà Hoàng Thị Y - chức vụ: Tổng giám đốc - Tổng công ty cổ phần B; người đại diện theo ủy quyền: Ông Hồ Đình Q và ông Phạm Quang Đ, chức vụ: Chuyên viên pháp lý của Công ty cổ phần B. Địa chỉ trụ sở: PTI Tower - số 95 đường T, phường D, quận C, thành phố Hà Nội.

- Người kháng cáo: bị đơn Tổng công ty cổ phần B.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Có mặt Bà Hoàng Thị T và ông Hồ Đình Q, vắng

mặt ông Phạm Quang Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện ngày 08 tháng 11 năm 2022, bản tự khai ngày 14-02-2023, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Nguyễn Thị N là bà Hoàng Thị T trình bày:

Ngày 26-02-2022 chị Nguyễn Thị N mua bảo hiểm thông qua hình thức bảo hiểm điện tử với Công ty B Nam Định là đơn vị trực thuộc của Tổng công ty cổ phần B. Gói bảo hiểm mà chị Nguyễn Thị N mua thuộc chương trình "PTI VỮNG TÂM AN +", được thực hiện theo Quy tắc bảo hiểm số 270/QĐ-PTI-BHCN của Tổng công ty cổ phần B.

Toàn bộ thủ tục đăng ký mua bảo hiểm, nộp phí bảo hiểm, cấp giấy chứng nhận bảo hiểm cho chị Nguyễn Thị N đều được thực hiện online trên hệ thống phần mềm của Tổng công ty cổ phần B. Sau khi chị Nguyễn Thị N mua bảo hiểm đã được cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm số 0001609/GCN/040-KTTT/VTA-PLUS/2022 ngày 26-02-2022. Giấy chứng nhận bảo hiểm có các nội dung cụ thể như sau:

- Người mua bảo hiểm là chị Nguyễn Thị N; người được bảo hiểm là chị Nguyễn Thị N.

- Thời hạn bảo hiểm đối với chị Nguyễn Thị N là 12 tháng, tính từ ngày 27-02-2022 đến ngày 27-02-2023.

- Phí bảo hiểm là 790.000 đồng. Phí bảo hiểm đã được chị Nguyễn Thị N đóng toàn bộ một lần vào ngày 26-02-2022.

- Quyền lợi bảo hiểm: Người được bảo hiểm được hưởng quỹ trợ cấp nằm viện điều trị dịch bệnh tại các cơ sở y tế khi người được bảo hiểm nhập viện sau 03 ngày kể từ ngày bắt đầu bảo hiểm là 12.000.000 đồng. Đối với người được bảo hiểm đã tiêm chủng phòng ngừa dịch bệnh thì quỹ trợ cấp này tăng gấp đôi, tức là sẽ được hưởng 24.000.000 đồng.

Chị Nguyễn Thị N đã được tiêm chủng phòng ngừa bệnh Covid-19 mũi 3 vào ngày 10-01-2022 tại Trạm y tế xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Đến ngày 15-3-2022 chị Nguyễn Thị N được xác định bị mắc bệnh Covid-19 theo Phiếu xét nghiệm PCR của Công ty TNHH Tuệ Lâm - Phòng khám đa khoa 153. Cùng ngày 15-3-2022, chị Nguyễn Thị N được đưa vào điều trị tại "Cơ sở thu dung điều trị Covid-19 thuộc Trung tâm Y tế huyện Hàm Yên - Sở Y tế tỉnh Tuyên Quang" để điều trị bệnh Covid-19. Đến ngày 22-3-2022 chị Nguyễn Thị N được ra viện.

Ngay sau khi ra viện vào ngày 23-3-2022 chị Nguyễn Thị N đã làm thủ tục thông báo việc chị Nguyễn Thị N bị mắc bệnh Covid-19 và phải điều trị tại cơ sở y tế cho Tổng công ty cổ phần B. Các giấy yêu cầu bảo hiểm, chứng từ điều trị của chị Nguyễn Thị N đã được chụp ảnh và cập nhật trên hệ thống phần mềm của Tổng công ty cổ phần B ngay trong tháng 3 năm 2022. Ngoài việc khai báo

online, chị Nguyễn Thị N còn gửi bộ hồ sơ gốc yêu cầu bảo hiểm và chứng từ điều trị cho Tổng công ty cổ phần B theo đường bưu chính.

Ngày 10-5-2022, Tổng công ty cổ phần B có thông báo giải quyết quỹ hỗ trợ với mức chi hỗ trợ cho chị Nguyễn Thị N là 12.000.000 đồng. Chị Nguyễn Thị N không đồng ý với mức hỗ trợ nói trên và yêu cầu Tổng công ty cổ phần B phải thực hiện trả tiền bảo hiểm cho chị Nguyễn Thị N là 24.000.000 đồng với lý do theo Giấy chứng nhận bảo hiểm số 0001609/GCN/040-KTTT/VTA-PLUS/2022 ngày 26-02-2022 và Phụ lục tại trang 2 thì trường hợp của chị Nguyễn Thị N đã thỏa mãn tất cả các điều kiện của hợp đồng bảo hiểm. Cụ thể là chị Nguyễn Thị N đã bị mắc bệnh Covid-19 sau hơn 03 ngày kể từ ngày bắt đầu bảo hiểm, đã được tiêm chủng phòng ngừa bệnh Covid-19, đã được điều trị tại cơ sở y tế do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thành lập; đồng thời trường hợp của chị Nguyễn Thị N không thuộc bất cứ điểm loại trừ nào theo Quy tắc bảo hiểm số 270/QĐ-PTI-BHCN và Giấy chứng nhận bảo hiểm số 0001609/GCN/040-KTTT/VTA-PLUS/2022 ngày 26-02-2022 của Tổng công ty cổ phần B.

Ngoài ra, theo quy định của khoản 3, mục tóm tắt nội dung bảo hiểm của Giấy chứng nhận bảo hiểm số 0001609/GCN/040-KTTT/VTA-PLUS/2022 ngày 26-02-2022 thì Tổng công ty cổ phần B phải trả tiền bảo hiểm trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được bộ hồ sơ đầy đủ và hợp lệ. Tổng công ty cổ phần B đã tiếp nhận bộ hồ sơ yêu cầu bồi thường hợp lệ của chị Nguyễn Thị N từ ngày 29-3-2022, thời hạn cuối cùng phải trả tiền bảo hiểm là ngày 12-4-2022, ngày bắt đầu vi phạm nghĩa vụ trả tiền là từ ngày 13-4-2022. Vì vậy Tổng công ty cổ phần B phải trả tiền chậm trả đối với số tiền bảo hiểm theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 với mức lãi suất 10%/năm, kể từ ngày 13-4-2022 cho đến khi thanh toán xong số tiền bảo hiểm cho chị Nguyễn Thị N.

Tại Tòa án sơ thẩm, chị Nguyễn Thị N yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

- Buộc Tổng công ty cổ phần B phải thực hiện trả tiền bảo hiểm cho trường hợp của chị Nguyễn Thị N là 24.000.000 đồng (hai mươi bốn triệu đồng).

- Buộc Tổng công ty cổ phần B phải trả tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 với mức lãi suất 10%/năm đối với số tiền bảo hiểm chậm trả kể từ ngày 13-4-2022 cho đến khi thanh toán xong số tiền bảo hiểm cho chị Nguyễn Thị N.

- Rút yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu Tổng công ty cổ phần B trả tiền phát sinh đi lại về Tòa án làm việc và rút yêu cầu đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử phạt hành chính đối với Tổng công ty cổ phần B do chậm trả tiền bồi thường.

2. Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn (Tổng công ty cổ phần B) là ông Hà Minh Tấn và tại phiên tòa là ông Phạm Quang Đ trình bày:

Ngày 26-02-2022 chị Nguyễn Thị N đã mua bảo hiểm thuộc chương trình "PTI VỮNG TÂM AN +", được thực hiện theo Quy tắc bảo hiểm số 270/QĐ-PTI-BHCN của Tổng công ty cổ phần B. Thủ tục đăng ký mua bảo hiểm, nộp phí bảo hiểm, cấp giấy chứng nhận bảo hiểm cho chị Nguyễn Thị N được thực hiện online trên hệ thống phần mềm của Tổng công ty cổ phần B. Chị Nguyễn Thị N đã được cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm số 0001609/GCN/040-KTTT/VTA-PLUS/2022 ngày 26-02-2022. Thời hạn bảo hiểm đối với chị Nguyễn Thị N là 12 tháng, tính từ ngày 27-02-2022 đến ngày 27-02-2023. Phí bảo hiểm là 790.000 đồng, đã được chị Nguyễn Thị N đóng toàn bộ vào ngày 26-02-2022.

Sau khi chị Nguyễn Thị N bị mắc bệnh Covid-19 và được điều trị tại Cơ sở thu dung điều trị Covid-19 thuộc Trung tâm Y tế huyện Hàm Yên - Sở Y tế tỉnh Tuyên Quang, chị Nguyễn Thị N đã làm thủ tục thông báo trên hệ thống phần mềm của Tổng công ty cổ phần B. Tổng công ty cổ phần B cũng đã nhận được bộ hồ sơ gốc yêu cầu trả tiền bảo hiểm của khách hàng Nguyễn Thị N, bao gồm giấy yêu cầu bảo hiểm và các chứng từ điều trị của chị Nguyễn Thị N từ ngày 12-4-2022. Tổng công ty cổ phần B không yêu cầu chị Nguyễn Thị N bổ sung thêm hồ sơ, tài liệu gì khác.

Chị Nguyễn Thị N mắc bệnh Covid-19 là thuộc sự kiện bảo hiểm quy định trong chương trình bảo hiểm "PTI VỮNG TÂM AN +". Tuy nhiên do chị Nguyễn Thị N bị mắc bệnh Covid-19 sau khi Chính phủ thực hiện chủ trương miễn dịch cộng đồng, số lượng người mắc bệnh Covid-19 rất nhiều. Để giải quyết việc điều trị cho người mắc bệnh Covid-19, Bộ Y tế đã ban hành Quyết định số 5525/QĐ-BYT ngày 01-12-2021 và Quyết định 250/QĐ-BYT ngày 28-01-2022 để phân loại nhóm nguy cơ cần điều trị tại cơ sở y tế. Theo hướng dẫn của các văn bản trên thì chị Nguyễn Thị N mắc bệnh Covid-19, nhưng không thuộc nhóm nguy cơ cần điều trị tại cơ sở y tế. Vì vậy trường hợp của chị Nguyễn Thị N là không thuộc trường hợp được trả tiền bảo hiểm. Tổng công ty cổ phần B đã thông báo đồng ý hỗ trợ cho chị Nguyễn Thị N số tiền là 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng) nhưng chị Nguyễn Thị N không đồng ý.

Tổng công ty cổ phần B yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp bảo hiểm theo quy định của pháp luật. Đồng thời, Tổng công ty cổ phần B không chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị N về việc trả tiền chậm trả đối với số tiền bảo hiểm vì giữa hai bên xảy ra tranh chấp chi trả tiền bảo hiểm.

Tại bản án số 22/2023/DS-ST ngày 23/6/2023 của Toà án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định đã quyết định.

- Căn cứ Điều 357; Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 13; Điều 14; Điều 15; Điều 16; điểm c khoản 2 Điều 17; Điều 22; Điều 29 Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2019);

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 40; khoản 1 Điều 147; điểm c, g khoản 1 Điều 217; Điều 218 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV;

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N.

1.1. Buộc Tổng công ty cổ phần B phải trả cho chị Nguyễn Thị N số tiền bảo hiểm là 24.000.000 đồng (hai mươi bốn triệu đồng).

1.2. Buộc Tổng công ty cổ phần B phải trả cho chị Nguyễn Thị N số tiền chậm trả đối với số tiền bảo hiểm kể từ ngày 13-4-2022 đến hết ngày xét xử sơ thẩm 23-6-2023 là 2.866.000 đồng (hai triệu tám trăm sáu mươi sáu nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (là ngày 24-6-2023) cho đến khi thi hành án xong, Tổng công ty cổ phần B phải tiếp tục trả tiền lãi đối với số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N về việc yêu cầu Tổng công ty cổ phần B trả tiền phát sinh đi lại về Tòa án làm việc và đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử phạt hành chính đối với Tổng công ty cổ phần B do chậm trả tiền bồi thường.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên án phí quyền kháng cáo của các đương sự và lãi suất chậm trả do chậm thi hành bản án.

Ngày 30-6-2023 PTI kháng cáo không đồng ý với toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm.

Người đại diện theo ủy quyền của Tổng công ty cổ phần B giữ nguyên nội dung kháng cáo là không chấp nhận thanh toán số tiền 24.000.000 đồng và số tiền chậm trả đối với số tiền bảo hiểm 24.000.000 đồng từ ngày 13-4-2022 đến hết ngày xét xử sơ thẩm 23-6-2023 là 2.866.000 đồng (hai triệu tám trăm sáu mươi sáu nghìn đồng). Vì căn cứ Quyết định số 5525/QĐ-BYT ngày 01-12-2021 và Quyết định 250/QĐ-BYT ngày 28-01-2022 do Bộ Y tế đã ban hành để giải quyết việc điều trị cho người mắc bệnh Covid-19. Chị N thuộc nhóm bệnh có nguy cơ trung bình, chị N đã được tiêm ngừa Covid-19 nên thuộc trường hợp chăm sóc tại nhà dưới sự hướng dẫn của nhân viên y tế. Khách hàng không sử dụng loại thuốc theo hướng dẫn của Bộ y tế điều trị Covid-19 nên không thỏa mãn điều kiện của quỹ hỗ trợ "Nằm viện điều trị" dịch bệnh. Do vậy Tòa án cấp sơ thẩm xác định để phân loại đối tượng làm ảnh hưởng đến quyền lợi của PTI. Về yêu cầu tính lãi thì ngày 10-5-2022 PTI đã có thông báo đưa phương án và khoản tiền hỗ trợ cho chị N là 12.000.000 đồng nhưng chị N không đồng ý nên xảy ra tranh chấp. Do vậy, việc tính lãi suất của Tòa án nhân dân thành phố Nam

Định từ thời điểm 13-4-2022 đến hết ngày xét xử sơ thẩm là không có căn cứ. Đề nghị HĐXX phúc thẩm xem xét chấp nhận toàn bộ kháng cáo của Tổng công ty cổ phần B.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị HĐXX giữ nguyên bản án sơ thẩm buộc Tổng công ty cổ phần B phải trả tiền bảo hiểm cho chị Nguyễn Thị N là 24.000.000 đồng (hai mươi bốn triệu đồng) và trả lãi đối với số tiền bảo hiểm chậm trả kể từ ngày từ ngày 13-4-2022 đến hết ngày xét xử sơ thẩm 23-6-2023 là 2.866.000 đồng (hai triệu tám trăm sáu mươi sáu nghìn đồng).

Kiểm sát viên - Viện kiểm sát tỉnh Nam Định phát biểu ý kiến:

Về tố tụng, quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo các quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự, quyền lợi của các đương sự được bảo đảm.

Về đường lối giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu thu thập lưu hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa. Căn cứ vào các tài liệu thu thập lưu hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Buộc Tổng công ty cổ phần B phải trả tiền bảo hiểm cho chị Nguyễn Thị N là 24.000.000 đồng và trả lãi đối với số tiền bảo hiểm chậm trả với tổng số tiền là 2.866.000 đồng là có căn cứ pháp lý. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xử giữ nguyên bản án sơ thẩm số 22/2023/DS-ST ngày 23/6/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Nam Định.

Án phí phúc thẩm: Các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét kháng cáo của các đương sự:

[1] Đơn kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của Tổng công ty cổ phần B làm trong thời hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về trình tự thủ tục tố tụng:

2.1. Về người tham gia tố tụng: Sau khi đưa vụ án ra xét xử Tổng công ty cổ phần B thay đổi người đại diện theo pháp luật từ ông Nguyễn Kim Lân sang bà Hoàng Thị Y, sau đó bà Y ủy quyền cho ông Hồ Đình Q và ông Phạm Quang Đ tham gia tố tụng tại phiên tòa, xét thấy thủ tục tố tụng của Tổng công ty cổ phần B là đảm bảo quy định của pháp luật nên được Tòa án chấp nhận.

2.2. Về tranh chấp được giải quyết trong vụ án: Chị Mừng ký hợp đồng bảo hiểm với Tổng công ty cổ phần B, quá trình thực hiện hợp đồng xảy ra tranh chấp, chị Mừng khởi kiện Tổng công ty cổ phần B với các nội dung liên quan đến thực hiện hợp đồng của Tổng công ty cổ phần B nên Tòa án cấp sơ thẩm xác

định tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp về hợp đồng bảo hiểm là có căn cứ, đúng với quy định của pháp luật.

2.3. Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ Giấy chứng nhận bảo hiểm số 0001609/GCN/040-KTTT/VTA-PLUS/2022 ngày 26-02-2022 thì chị Nguyễn Thị N giao kết hợp đồng bảo hiểm với Công ty B Nam Định, thuộc Tổng công ty cổ phần B. Theo đơn khởi kiện, chị Nguyễn Thị N đã lựa chọn Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định là Tòa án nơi có trụ sở chi nhánh giao kết hợp đồng bảo hiểm để giải quyết tranh chấp, các đương sự không có thỏa thuận về lựa chọn tòa án giải quyết. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của Tổng công ty cổ phần B:

3.1. Đối với yêu cầu trả tiền bảo hiểm: Xét yêu cầu của chị Nguyễn Thị N buộc Tổng công ty cổ phần B phải thanh toán số tiền bảo hiểm 24.000.000 đồng.

3.1.1. Về việc giao kết hợp đồng: Ngày 26-02-2022 chị N mua bảo hiểm thông qua hình thức đơn bảo hiểm điện tử với Công ty B Nam Định, là đơn vị trực thuộc của Tổng công ty cổ phần B. Sau khi chị N đã đóng đầy đủ phí bảo hiểm, Công ty B Nam Định đã cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm số 0001609/GCN/040-KTTT/VTA-PLUS/2022 ngày 26-02-2022. Giấy chứng nhận bảo hiểm và Phụ lục kèm theo có ghi các nội dung cụ thể của hợp đồng bảo hiểm, bao gồm: Người mua bảo hiểm là chị Nguyễn Thị N, người được bảo hiểm là chị Nguyễn Thị N; thời hạn bảo hiểm đối với chị Nguyễn Thị N là 12 tháng, tính từ ngày 27-02-2022 đến ngày 27-02-2023; phí bảo hiểm là 790.000 đồng; quyền lợi bảo hiểm: Người được bảo hiểm được hưởng quỹ trợ cấp nằm viện điều trị dịch bệnh tại các cơ sở y tế khi người được bảo hiểm nhập viện sau 03 ngày kể từ ngày bắt đầu bảo hiểm là 12.000.000 đồng. Đối với người được bảo hiểm đã tiêm chủng phòng ngừa dịch bệnh thì quỹ trợ cấp này tăng gấp đôi, tức là sẽ được hưởng 24.000.000 đồng. Ngoài ra giấy chứng nhận bảo hiểm và phụ lục kèm theo còn có các nội dung về điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm, thời hạn trả tiền bảo hiểm.

Việc cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm của PTI cho chị N đã chứng minh các điều khoản thỏa thuận giữa hai bên đã xong, hợp đồng đã được ký kết. Căn cứ Điều 13, Điều 14, Điều 15, Điều 22 Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2019) thì hợp đồng bảo hiểm giữa chị N và Tổng công ty cổ phần B là hợp pháp và có hiệu lực thực hiện; trách nhiệm bảo hiểm của Tổng công ty cổ phần B đối với bà Thúy phát sinh từ ngày 27-02-2022 đến ngày 27-02-2023.

3.1.2. Về sự kiện bảo hiểm: Căn cứ vào Phiếu xét nghiệm nhanh ngày 15-3-2022 của Trạm y tế xã Thái Hòa và Kết quả xét nghiệm ngày 16-3-2022 của Cơ sở thu dung 2 Điều trị Covid-19 của Khoa Truyền nhiễm thuộc Trung tâm y tế huyện Hàm Yên thì chị Nguyễn Thị N bị mắc bệnh Covid-19. Như vậy, chị N

đã bị mắc bệnh Covid-19 sau 16 ngày kể từ ngày được bắt đầu bảo hiểm là ngày 27-02-2022. Căn cứ bệnh án nội khoa điều trị nội trú của cở Cơ sở thu dung điều trị Covid-19 thuộc Trung tâm Y tế huyện Hàm Yên - Sở Y tế tỉnh Tuyên Quang thì xác định sau khi bị nhiễm Covid 19 bà Thúy đã điều trị tại đây từ ngày 15-3-2022 đến ngày 22-3-2022. Như vậy sự kiện bảo hiểm đã xảy ra trên thực tế và bà Thúy thuộc trường hợp được PTI chi trả bảo hiểm theo Giấy chứng nhận bảo hiểm số 0001609/GCN/040-KTTT/VTA-PLUS/2022 ngày 26-02-2022 và phụ lục kèm theo.

3.1.3. Về nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm: Căn cứ nhận định tại mục 2.1.2 thì Tổng công ty cổ phần B có nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm cho người thụ hưởng là chị Nguyễn Thị N theo quy định của hợp đồng bảo hiểm. Do chị N bị mắc bệnh Covid -19 khi đã được tiêm chủng phòng ngừa dịch bệnh, vì vậy căn cứ quy định tại phụ lục của Giấy chứng nhận bảo hiểm số 0001609/GCN/040-KTTT/VTA-PLUS/2022 ngày 26-02-2022 thì số tiền bảo hiểm cho trường hợp chị N là 24.000.000 đồng (hai mươi bốn triệu đồng). Vì thế Tòa án cấp sơ thẩm buộc Tổng công ty Cổ phần B có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị N số tiền bảo hiểm là 24.000.000 đồng là có căn cứ. PTI cho rằng hồ sơ của khách hàng không điều trị theo phác đồ của Bộ y tế theo hướng dẫn chuẩn đoán và điều trị Covid-19 tại Quyết định số 250/QĐ-BYT ngày 28.01.2022 nên không thỏa mãn điều kiện của quỹ hỗ trợ "Nằm viện điều trị" dịch bệnh. Xét thực tế sự kiện bảo hiểm đã xảy ra, chị Thúy đã cung cấp toàn bộ hồ sơ cho PTI theo yêu cầu và đúng thỏa thuận, trong thỏa thuận cũng không đề cập đến vấn đề này, bản thân PTI sau khi nhận hồ sơ không yêu cầu bà Thúy bổ sung thông tin gì thêm nên quan điểm của PTI không được chấp nhận.

3.2. Đối với yêu cầu Tổng công ty cổ phần B nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm chậm trả.

3.2.1. Căn cứ Điều 29 Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2019) và mục 2 chương V Quy tắc bảo hiểm số 270/QĐ-PTI-BHCN, mục 3 phần III Giấy chứng nhận bảo hiểm số 0001609/GCN/040-KTTT/VTA-PLUS/2022 ngày 26-02-2022 thì Tổng công ty cổ phần B có nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm trong thời hạn chậm nhất là 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được bộ hồ sơ đầy đủ và hợp lệ. Theo xác nhận của người đại diện Tổng công ty cổ phần B thì Tổng công ty cổ phần B đã nhận được bộ hồ sơ yêu cầu trả tiền bảo hiểm của chị Nguyễn Thị N, không yêu cầu phải bổ sung thêm hồ sơ, tài liệu gì khác, tại phiên tòa đã xác nhận hồ sơ yêu cầu trả tiền bảo hiểm của chị Nguyễn Thị N là đầy đủ và hợp lệ. Vì vậy, thời hạn cuối cùng mà Tổng công ty cổ phần B phải trả tiền bảo hiểm là ngày 12-4-2022. Do Tổng công ty cổ phần B không trả tiền bảo hiểm đúng thời hạn nên đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Căn cứ Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, Tổng công ty cổ phần B phải trả tiền chậm trả đối với số tiền bảo hiểm với mức lãi suất 10%/năm, kể từ ngày 13-4-2022 cho đến ngày khi thanh toán xong số tiền bảo hiểm cho chị Nguyễn Thị N.

Cụ thể số tiền chậm trả tính đến hết ngày xét xử sơ thẩm (23-6-2023) là: 24.000.000 đồng x 10%/năm/12 tháng x 14 tháng 10 ngày = 2.866.000 đồng (*hai triệu tám trăm sáu mươi sáu nghìn đồng*).

3.2.2. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, Tổng công ty cổ phần B phải tiếp tục trả tiền lãi đối với số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Về việc rút yêu cầu khởi kiện: yêu cầu Tổng công ty cổ phần B trả tiền phát sinh đi lại về Tòa án làm việc và rút yêu cầu đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử phạt hành chính đối với Tổng công ty cổ phần B do chậm trả tiền bồi thường.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Hoàng Thị T rút yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu Tổng công ty cổ phần B trả tiền phát sinh đi lại về Tòa án làm việc và rút yêu cầu đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử phạt hành chính đối với Tổng công ty cổ phần B do chậm trả tiền bồi thường. Xét thấy việc rút các yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện nên Tòa án sơ thẩm đình chỉ giải quyết đối với các yêu cầu khởi kiện này là đúng quy định.

[5] Tại phiên tòa người kháng cáo cũng không nộp được tài liệu nào để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Do vậy kháng cáo của Tổng công ty cổ phần B không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[6] Về án phí phúc thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 13, điểm a khoản 2 và điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên phải nộp án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị cấp phúc thẩm không xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Giữ nguyên bản dân sự sơ thẩm số 22/2023/DS-ST ngày 23/6/2023 của Toà án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

2. Về án phí: Tổng công ty cổ phần B phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, đối trừ với số tiền 300.000 đồng PTI đã nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Nam Định theo biên lai số 0000212 ngày 07-7-2023, PTI đã nộp đủ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền Tả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- TAND tp Nam Định;
- Chi cục THADS tp Nam Định;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Nguyễn Đức Cảnh
(Đã ký)